

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:20/2021/DS- PT.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021

“V/v Tranh chấp quyền lối đi chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Toàn;

Ông Nguyễn Kim Ái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số: 55/2020/TLPT – DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 Về việc “Tranh chấp quyền lối đi chung”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS - ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/2020/QĐXX - PT ngày 30 tháng 11 năm 2020 và các quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số:01/2020/QĐ-PT ngày 15/12/2020; quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số:02/2021/QĐ-PT ngày 15/01/2021; quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số:03/2021/QĐ-PT ngày 04/3/2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Mạnh T - sinh năm 1964.

2. Bà Nguyễn Thị C - sinh năm 1966.

Đều Trú tại: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Nguyễn Văn G - sinh năm 1991.

Trú tại: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Theo giấy ủy quyền ngày 21/11/2019).

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1970.
2. Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1972.

Đều Trú tại: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Văn C – Luật sư, công ty luật TNHH H P&T-Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn G - sinh năm 1991.
2. Anh Nguyễn Văn D - sinh năm 2000.
3. Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1987.

Đều trú tại: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của anh D, chị H:

Anh Nguyễn Văn G - sinh năm 1991.

Trú tại: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Theo giấy ủy quyền ngày 21/11/2019).

4. Cụ Nguyễn Thị L - sinh năm 1933.

Trú tại: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Ông T, anh G, bà T, ông T, ông C có mặt; cụ L, anh D, chị H vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T ;Bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2019 và quá trình giải quyết tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn G trình bày:

Gia đình anh có 02 thửa đất số 78 và 79, tờ bản đồ số 10 thuộc Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Nguồn gốc thửa đất số 79 của gia đình anh được nhà nước cấp từ khoảng năm 1986, còn thửa đất số 78 gia đình anh nhận chuyển nhượng lại của gia đình ông Nguyễn Văn L. Kể từ khi gia đình anh được nhà nước giao cho thửa đất số 78 và chuyển về đó ở từ năm 1986, gia đình anh và gia đình ông L, gia đình ông T, bà T vẫn đi chung con đường như hiện nay. Trong suốt hơn 30 năm con đường vẫn là đường đi chung không có bất kỳ tranh chấp gì. Trong bản đồ địa chính 299 đo vẽ năm 1981 và bản đồ địa chính đo vẽ năm 1995 thể hiện con đường này là đường dân sinh do nhà nước quản L.

Nhưng trong thời gian vừa qua gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T đã tự ý xây một bức tường gạch chín trái phép có chiều dài khoảng hơn 25m trên con đường đi chung chặn toàn bộ lối đi không cho gia đình anh đi ra khu dân cư, để có lối đi gia đình anh đã phải tự tháo dỡ một phần bức tường xây để lấy lối đi. Gia đình anh đã làm đơn đến Ủy ban nhân dân xã X và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L đề nghị giải quyết. Tuy nhiên, ông T, bà T không hợp tác, không cho đo vẽ, do vậy, không giải quyết dứt điểm tranh chấp. Vì vậy, bố, mẹ anh đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện L giải quyết buộc gia đình ông T, bà T phải tháo dỡ toàn bộ bức tường xây trái phép trên con đường đi để trả lại lối đi cho gia đình anh.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T và đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Quá trình giải quyết vụ án ông T, bà T đã được Tòa án nhân dân huyện L gửi các giấy báo cũng như văn bản tố tụng hợp lệ đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, đến tòa ông T, bà T không hợp tác, tòa án hướng dẫn ông T, bà T viết bản tự khai, nhưng cả ông T, bà T không viết. Ngày 13/7/2020 ông Nguyễn Văn T mới cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện L một số tài liệu và ngày 18/ 7/2020 mới nộp cho Tòa án 01 lá đơn trình bày, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông T, bà T trình bày: Gia đình ông C, bà L (bố, mẹ ông T) đến ở thửa đất mà hiện nay đã cho ông T, bà T từ năm 1971 cùng với gia đình ông L2(bố anh L). Năm 1978 ông L2cắt cho con trai là Nguyễn Văn L một phần thửa đất và lối đi vào thửa đất nhà anh L lúc đó đi chung trên thửa đất của ông L2. Năm 1985 ông L2có sang đặt vấn đề với ông C, bà L cho anh L đi nhờ chung con đường của gia đình ông C, bà L và được ông C, bà L đồng ý cho đi chung. Năm 2002 ông L chuyển nhượng thửa đất cho Ông T, bà C và gia đình Ông T, bà C cũng đi trên con đường của ông C, bà L mà ông L đã xin đi nhờ. Năm 2018 bà L mẹ ông T có nói con đường đó là đất của gia đình ông C, bà L nay là đất của ông T, bà T nên xây quây lại và không cho gia đình Ông T, bà C đi nhờ nên ông T, bà T đã xây tường rào ngăn không cho gia đình Ông T, bà C đi. Ông T, bà T xác định lối đi mà hộ ông Nguyễn Mạnh T, bà Nguyễn Thị C đang đi chung là đất thuộc quyền sử dụng của ông T, bà T mà trước kia cho ông L là anh em trong gia đình đi nhờ. Nay Ông T, bà C không có quan hệ anh em nên ông T, bà T không cho Ông T, bà C đi nhờ, do vậy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông T, bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn G trình bày: Nhất trí như nội dung đơn khởi kiện của Ông T, bà C và đề nghị Tòa án nhân dân huyện L giải quyết buộc gia đình ông T, bà T phải tháo dỡ toàn bộ bức tường xây trái phép trên con đường đi chung để trả lại lối đi cho gia đình chúng tôi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS - ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:
Áp dụng: Khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 157, khoản 5 Điều 166 Luật đất đai, khoản 1 Điều 175, khoản 1 Điều 176 Bộ luật dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh T và bà Nguyễn Thị C.

Xác định con đường đi giữa hộ ông Nguyễn Mạnh T, bà Nguyễn Thị C và hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T tại:

khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ là con đường đi chung. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ bức tường xây gạch chín trái phép có chiều dài là 28,20m (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo) để trả lại lối đi cho hộ ông Nguyễn Mạnh T, bà Nguyễn Thị C.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Mạnh T, bà Nguyễn Thị C 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà anh Nguyễn Văn G đã nộp tạm ứng thay cho ông Nguyễn Mạnh T, bà Nguyễn Thị C.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 03/8/2020 ông T, bà T và bà Đỗ Thị H người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm xác định lối đi là đất thuộc quyền sử dụng riêng của gia đình ông bà, bác yêu cầu khởi kiện của Ông T, bà C.

Ngày 19/10/2020 ông T và bà T có đơn đề nghị bổ sung kháng cáo với nội dung: đề nghị cấp phúc thẩm xem xét thẩm định để xác định phần đất lối đi chung có từ trước là do gia đình ông L hiện nay đã xây dựng nhà và các công trình trên lối đi.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T, bà T giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của ông T, bà T, xác định lối đi là đất thuộc quyền sử dụng riêng của gia đình ông T, bà T và cụ L, bác yêu cầu khởi kiện của Ông T, bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ

đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đại diện VKS đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số:11/2020/DS-ST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn Kháng cáo của ông T, bà T và bà Đỗ Thị H người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Ngày 07/01/2021 bà Đỗ Thị H đã có giấy báo cáo với nội dung các đương sự tự có mặt và chấm dứt việc ủy quyền cho bà; Tại phiên tòa ông T và bà T cũng thể hiện quan điểm không ủy quyền cho bà H tại phiên Tòa phúc thẩm. Xét thấy việc bà H là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền lối đi chung” là đúng quy định của pháp luật. Xong lối đi này hiện nay ngoài hộ gia đình Ông T, bà C và hộ gia đình ông T, bà T còn có cụ Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của ông T đi chung lối đi này. Nhưng cấp sơ thẩm không đưa cụ L vào tham gia tố tụng là thiếu sót nên cấp phúc thẩm đưa cụ L vào tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật và bảo vệ được quyền lợi cho cụ L. Thiếu sót này của cấp sơ thẩm cũng không thay đổi bản chất, nội dung và đường lối xử lý vụ án cũng như không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cụ L, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2]. Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo ông T, bà T kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm xác định lối đi là đất thuộc quyền sử dụng riêng của gia đình ông bà, bác yêu cầu khởi kiện của Ông T, bà C. Thì thấy: Năm 1971 gia đình cụ Nguyễn Văn C và cụ Nguyễn Thị L chuyển về ở trên diện tích đất hiện nay vợ chồng ông T và bà T đang ở cùng cụ Nguyễn Thị L, con đường hiện nay đang có tranh chấp giữa hộ Ông T, bà C với hộ ông T, bà T chưa hình thành, khoảng năm 1978 ông Nguyễn Văn L là con của cụ Nguyễn Văn L được cụ L cắt cho một phần đất ở phía sau được thể hiện trên bản đồ 299 can vẽ năm 1981 là thửa số 199 diện tích 537 m². Đến năm 1996 được thể hiện trên bản đồ số thể hiện thửa số 78 diện tích 658 m² khi hộ ông L ra ở đó thì bố ông L là cụ L có hỏi cụ C và cụ L cho gia đình ông L đi nhờ cùng với con đường của gia đình cụ C và cụ L đang đi. Năm 1986 gia đình Ông T, bà C được nhà nước giao quyền sử dụng thửa đất số 79 đang sử dụng hiện nay và chuyển về ở từ năm 1986 thì gia đình Ông T, bà C cũng đi

chung con đường này. Năm 2002 gia đình ông L chuyển nhượng đất cho gia đình Ông T, bà C thì gia đình Ông T, bà C vẫn đi chung trên con đường này. Bản đồ đo vẽ năm 1981 cũng thể hiện con đường đi chung giữa hộ ông L và hộ cụ C, cụ L cùng với hộ ông T, bà T, đến năm 1995 sau khi can vẽ lại bản đồ số thì con đường này thể hiện nối dài qua đất nhà ông L đến đất nhà Ông T, bà C và các hộ ông L, Ông T, bà C và hộ Cụ C, cụ L cùng với hộ ông T, bà T cùng đi chung con đường này, năm 2002 ông L chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho vợ chồng Ông T, bà C. Năm 2006 gia đình nhà ông T, bà T cũng đã tự xây hàng rào xác định ranh giới đất trừ con đường đang có tranh chấp hiện nay. Việc gia đình ông T, bà T cho rằng lối đi của gia đình ông L cũ nằm trên diện tích đất của ông Lãng hiện nay đang quản L và việc thể hiện trên bản đồ là rãnh nước chứ không phải là con đường. Ngày 13/11/2020 Tòa án cấp phúc thẩm đã xem xét thẩm định tại chỗ và xác minh thì thấy con đường hiện nay đang có tranh chấp có tổng diện tích 184m² các điểm được khép góc từ điểm 1...đến điểm 16; Bản đồ đo vẽ năm 1981 và 1996 tỷ lệ trên bản đồ là 1/1000 tính tỷ lệ 1mm tương ứng bằng 1m. Như vậy gia đình ông T, bà T cho rằng trên bản đồ thể hiện rãnh nước là không đúng với tỷ lệ của bản đồ vì trên bản đồ tính ra tỷ lệ thì chiều rộng là 3-4m điều này phù hợp với số đo thực tế. còn việc gia đình ông T, bà T cho rằng lối đi gia đình ông L nằm trên đất nhà ông L hiện nay đã xây nhà là không đúng bởi năm 2003 gia đình ông L xây nhà và tường rào đã bao bọc có một cây mít cách tường rào về phía đất nhà ông L là 45cm, cây mít này gia đình ông T, bà T thừa nhận là của gia đình ông L, nếu giả sử lối đi gia đình ông L đi đúng vị trí mà gia đình ông T, bà T chỉ thì cây mít thuộc quyền sở hữu của gia đình ông T bà T chứ không thuộc quyền sở hữu của gia đình ông L. Hơn nữa Tòa án cấp phúc thẩm cũng đề cập đến việc đo đạc lại toàn bộ diện tích đất của gia đình ông T, bà T xem có thừa, thiếu không để xác định diện tích lối đi đang có tranh chấp có nằm trong diện tích đất của gia đình ông T, bà T không. Nhưng ông T, bà T không đồng ý cho đo đạc lại. Từ khi gia đình Ông T, bà C chuyển về ở trên thửa đất số 79 cho đến nay cũng chỉ duy nhất con đường đi chung đang tranh chấp, không có con đường đi nào khác. Điều này được thể hiện ở các bản đồ can vẽ năm 1981, 1996.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở để khẳng định lối đi đang có tranh chấp giữa Gia đình Ông T, bà C với gia đình ông T, bà T có nguồn gốc của cụ C và cụ L. Nhưng đường đi này được các hộ ông L, Ông T, bà C, Cụ C, cụ L và gia đình ông T, bà T đi chung từ năm 1978 cho đến nay và đã được thể hiện ở trên các bản đồ địa chính năm 1981, 1996. Hơn nữa các gia đình cụ L, ông T, bà T đã tự xây hàng rào xác định ranh giới như hện nay, từ năm 1986 cho đến nay các hộ ông L, Ông T, cụ L, ông T không có tranh chấp gì. Theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật dân sự quy định thì gianh giới giữa các bất động sản đã tồn tại từ năm 1978 đến nay đã hơn 40 năm; Do đó, mọi chủ thể phải có trách

nhệm tôn trọng, duy trì ranh giới chung. Như vậy, có đủ căn cứ xác định con đường đi giữa gia đình Ông T, bà C, ông T, bà T, cụ L hiện đang tranh chấp là đường dân sinh thuộc nhà nước quản L và là con đường đi chung của hộ gia đình Ông T, bà C và ông T, bà T cùng cụ L. Ông T, bà T xây bức tường rào trên con đường đi chung ngăn không cho gia đình Ông T, bà C đi là việc xây dựng trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ bức tường xây gạch chín trái phép có chiều dài là 28,20m (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo) để trả lại lối đi chung cho hộ ông Nguyễn Mạnh T, bà Nguyễn Thị C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên cho thấy kháng cáo của ông T, bà T không có căn cứ để chấp nhận nên Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bà Nguyễn Thị T tạm nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) xong chỉ chi phí hết 2.000.000đ (Hai triệu đồng) còn lại 3.000.000đ (Ba triệu đồng) đã trả lại cho bà T ngày 26/11/2020, do yêu cầu kháng cáo của ông T, bà T không được chấp nhận nên ông T, bà T phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ này.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T, bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Tại phiên Tòa phúc thẩm xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận; đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS - ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 157, khoản 5 Điều 166 Luật đất đai, khoản 1 Điều 175, khoản 1 Điều 176 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 1 điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 điều 29 nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh T và bà Nguyễn Thị C.

Xác định con đường đi giữa các hộ ông Nguyễn Mạnh T, bà Nguyễn Thị C và hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T cùng cụ Nguyễn Thị L, ở tại khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ là con đường đi chung có tổng diện tích 184m² các điểm được khép góc từ điểm 1...đến điểm 16 (Có bản trích lục bản đồ địa chính hiện trạng đường đi nhà ông T và nhà Ông T kèm theo bản án). Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ bức tường xây gạch chín trái phép có chiều dài là 28,20m (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo) để trả lại lối đi chung cho các hộ ông Nguyễn Mạnh T, bà Nguyễn Thị C và hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T cùng cụ Nguyễn Thị L.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Mạnh T, bà Nguyễn Thị C 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà anh Nguyễn Văn G đã nộp tạm ứng thay cho ông Nguyễn Mạnh T, bà Nguyễn Thị C.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thúy phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001819 ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục thi hành án huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm (xác nhận đã nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Toàn Nguyễn Kim Ái

Nguyễn Hà Giang

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện L;
- THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + VP;
- Lưu: án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hà Giang

